

cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 – 1954)

Bước vào đông – xuân 1953 – 1954, Pháp – Mĩ âm mưu giành một thắng lợi quân sự quyết định nhằm "kết thúc chiến tranh trong danh dự"; quân ta mở cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 với đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã buộc thực dân Pháp ký Hiệp định Ginevra năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương.

I – ÂM MUỐI MỚI CỦA PHÁP – MĨ Ở ĐÔNG DƯƠNG : KẾ HOẠCH NAVA

Trải qua 8 năm kháng chiến và kiến quốc, lực lượng kháng chiến của nhân dân ta lớn mạnh đáng kể.

Tướng Nava nhận xét: "Việt Minh là một quốc gia rõ rệt. Họ có chính quyền, ảnh hưởng của họ lan cả vào vùng kiểm soát của quân đội viễn chinh. Tại đó họ tuyển được người, thu được thuế, thực hiện được các chính sách, mua được các thứ cần thiết cho chiến tranh. Từ năm 1945 đến nay, họ chỉ có một Chính phủ Hồ Chí Minh, chỉ có một tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, trong khi nước Pháp đã 19 lần thay đổi chính phủ và 7 lần thay đổi chỉ huy..."⁽¹⁾.

Trong khi đó, phía Pháp bị thiệt hại ngày càng nặng nề; đến năm 1953, bị loại khỏi vòng chiến đấu hơn 39 vạn quân và tiêu tốn hơn 2 000 tỉ phrăng. Vùng chiếm đóng bị thu hẹp. Quân Pháp trên chiến trường ngày càng đi vào thế phòng ngự, bị động.

Trước tình thế bị sa lầy và thất bại của Pháp, Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương, ép Pháp phải kéo dài và mở rộng chiến tranh, tích cực chuẩn bị thay thế Pháp.

Ngày 7 – 5 – 1953, với sự thoả thuận của Mĩ, Chính phủ Pháp cử tướng Nava làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương (thay tướng Xalang). Nava đề ra kế hoạch quân sự với hi vọng trong 18 tháng giành lấy một thắng lợi quyết định để "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

(1) Henri Navarre, *Agonie de l'Indochine*. Plon, Paris 1958. Trích lại trong *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, NXB Quân đội nhân dân, H., 1984, tr. 49.

Kế hoạch Nava được chia thành hai bước :

Bước thứ nhất, trong thu – đông năm 1953 và xuân năm 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tấn công chiến lược để bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương, giành lấy nguồn nhân lực, vật lực ; xoá bỏ vùng tự do Liên khu V, đồng thời ra sức mở rộng nguy quân, tập trung binh lực, xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh.

Bước thứ hai, từ thu – đông năm 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán với những điều kiện có lợi cho chúng nhằm kết thúc chiến tranh.

Để thực hiện kế hoạch Nava, thực dân Pháp tăng thêm ở Đông Dương 12 tiểu đoàn bộ binh đưa từ Pháp, Bắc Phi, đồng thời xin Mĩ tăng thêm viện trợ quân sự (tăng gấp đôi so với trước, chiếm tới 73% chi phí chiến tranh ở Đông Dương), ra sức tăng cường nguy quân, đưa lực lượng này lên đến 334 000 quân vào đầu năm 1954.

Từ thu – đông năm 1953, Nava tập trung lực lượng quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ lên đến 44 tiểu đoàn (trong tổng số 84 tiểu đoàn toàn Đông Dương), tiến hành những cuộc càn quét bình định vùng chiếm đóng, mở rộng hoạt động thô phi, biệt kích ở vùng rừng núi biên giới phía Bắc, mở cuộc tiến công lớn vào Ninh Bình, Thanh Hoá (10 – 1953)... để phá kế hoạch tiến công của ta.

Thủ tướng Pháp Lanien nói : "Kế hoạch Nava chẳng những được Chính phủ Pháp mà cả những người bạn Mĩ cùng tán thành. Nó cho phép hi vọng dù mọi điều"⁽¹⁾.



Âm mưu mới của Pháp – Mĩ ở Đông Dương khi bước vào đông – xuân 1953 – 1954 như thế nào ?

II – CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG – XUÂN 1953 – 1954 VÀ CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ NĂM 1954

1. Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954

Cuối tháng 9 – 1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Việt Bắc để bàn về kế hoạch quân sự Đông – Xuân 1953 – 1954.

(1) Đỗ Thiện – Đinh Kim Khánh, *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, Sđd, tr. 61.

Năm vũng nhiệm vụ tiêu diệt địch là chính, *phương hướng chiến lược* của ta trong đông – xuân 1953 – 1954 là : "Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất dai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, do phải phân tán lực lượng mà tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của chúng"⁽¹⁾.

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, trong đông – xuân 1953 – 1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch ở hầu khắp các chiến trường Đông Dương.

Ngày 10 – 12 – 1953, một bộ phận quân chủ lực của ta tiến công thị xã Lai Châu, loại khỏi vòng chiến đấu 24 đại đội địch, giải phóng Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ).

Nava buộc phải đưa 6 tiểu đoàn cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ tăng cường cho Điện Biên Phủ. Sau đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung binh lực thứ hai của Pháp.

Đầu tháng 12 – 1953, liên quân Lào – Việt mở cuộc tiến công địch ở Trung Lào, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng 4 vạn km² và thị xã Thà Khẹt ; bao vây uy hiếp Xavannakhét và căn cứ Xênhô.

Nava buộc phải tăng cường lực lượng cho Xênhô và Xênhô trở thành nơi tập trung binh lực thứ ba của Pháp.

Cuối tháng 1 – 1954, liên quân Lào – Việt tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu, toàn tỉnh Phongxali, căn cứ kháng chiến của nhân dân Lào được mở rộng thêm gần 1 vạn km².

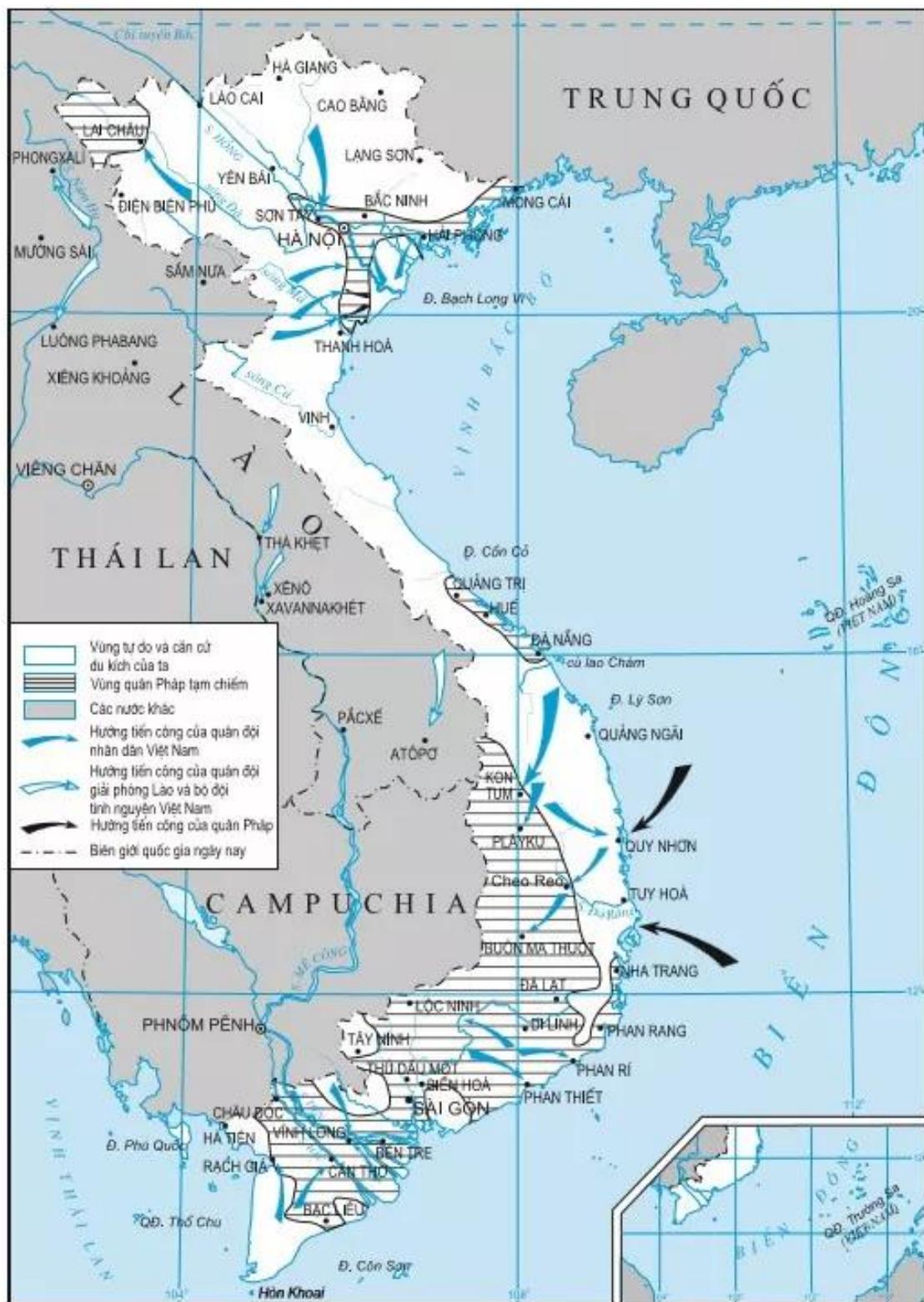
Nava vội dùng đường hàng không đưa quân từ đồng bằng Bắc Bộ tăng cường cho Luông Phabang và Mường Sài. Luông Phabang và Mường Sài trở thành nơi tập trung binh lực thứ tư của Pháp.

Đầu tháng 2 – 1954, quân ta tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên, loại khỏi vòng chiến đấu 2 000 địch, giải phóng toàn tỉnh Kon Tum, một vùng rộng lớn với 20 vạn dân ; bao vây, uy hiếp Plâyku.

Pháp buộc phải bỏ dở cuộc tiến công Tuy Hoà (Phú Yên) để tăng cường lực lượng cho Plâyku và Plâyku trở thành nơi tập trung binh lực thứ năm của Pháp.

Phối hợp với mặt trận chính khi quân chủ lực địch bị giam chân và phân tán nhiều nơi, tại các vùng sau lưng địch, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh.

(1) Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ*, NXB Quân đội nhân dân, H., 1964, tr. 47.



Hình 63. Lược đồ hình thái chiến trường trong Đông – Xuân 1953 – 1954.

Ở Nam Bộ, các tiểu đoàn chủ lực khu, chủ lực tinh tiến vào vùng tạm chiếm để tiêu diệt địch, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của nhân dân kết hợp với địch vận. Sân bay Tân Sơn Nhất bị tập kích làm nổ hàng trăm tấn bom. Hơn 1 000 đồn trại, tháp canh địch bị diệt và bức rút.

Ở Nam Trung Bộ, chiến tranh du kích phát triển mạnh, bao vây bức rút hàng loạt cứ điểm, đồn bốt địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn như Điện Bàn (Quảng Nam) với 4 vạn dân ; vùng Hòn Khô và Tây Bắc Khánh Hoà ; huyện Tánh Linh và Lương Sơn (Bình Thuận).

Ở Bình - Trị - Thiên, quân ta hoạt động mạnh trên Đường số 9, phá huỷ nhiều cầu cống, tiêu diệt và bức rút 6 vị trí địch, giải phóng huyện Hướng Hoá. Trên đường sắt và Đường số 1, nhiều đoàn tàu, xe của địch bị diệt.

Ở đồng bằng Bắc Bộ, phỏng tuyến sông Đáy của địch bị phá vỡ, các căn cứ của ta ở hai bên bờ sông Hồng được mở rộng. Du kích tiến hành tập kích địch trên tuyến đường Hà Nội – Hải Phòng, phá huỷ nhiều tàu, xe. Các đô thị, ngay cả Hà Nội, bị quân ta tiến công ; các sân bay Cát Bi (Hải Phòng), Gia Lâm (Hà Nội) cũng bị quân ta tập kích, phá huỷ nhiều máy bay.

Thắng lợi trong đông – xuân 1953 – 1954 đã chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho quân dân ta mở cuộc tiến công quyết định vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)

Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn nằm ở phía tây rừng núi Tây Bắc, gần biên giới với Lào, có vị trí chiến lược then chốt ở Đông Dương và cả ở Đông Nam Á, nên Pháp cố nắm giữ.

Nava tập trung mọi cố gắng để xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương.

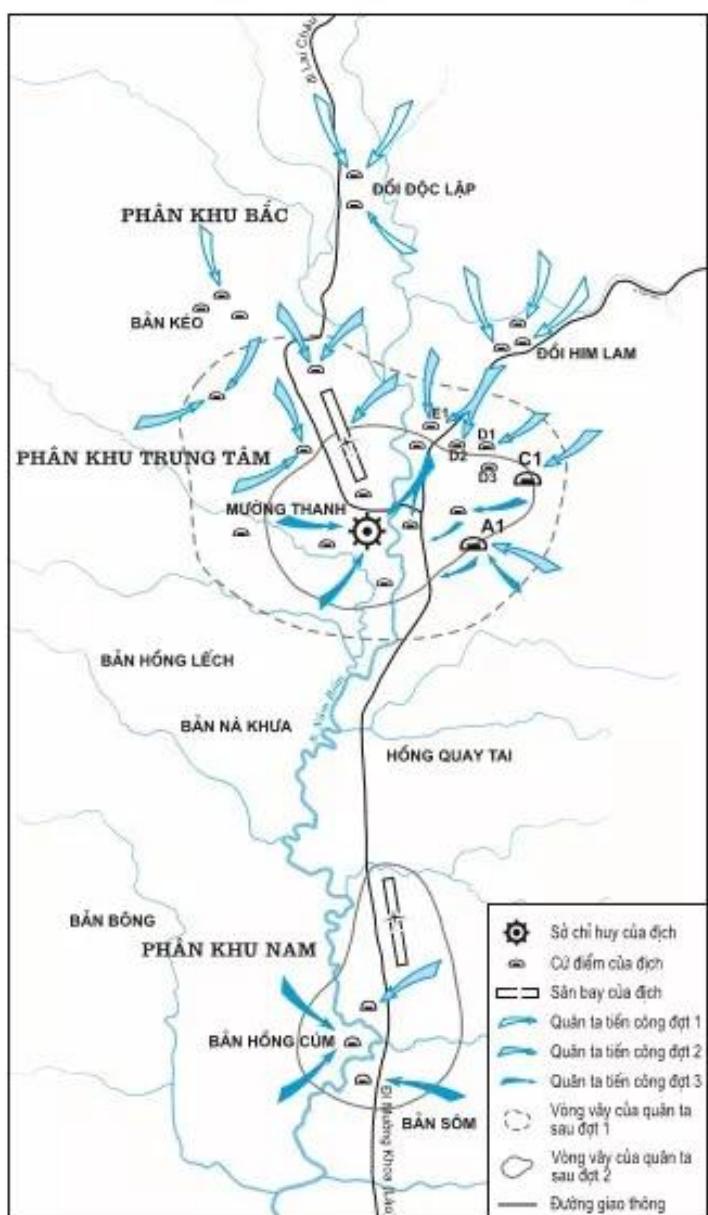
Tổng số binh lực địch ở đây lúc cao nhất có tới 16 200 quân, gồm 12 tiểu đoàn và 7 đại đội bộ binh, 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội tăng, 1 đại đội vận tải, 1 phi đội 12 máy bay.

Địch bố trí thành ba phân khu : phân khu Bắc gồm các cứ điểm Độc Lập, Bản Kéo ; phân khu Trung tâm ở ngay giữa Mường Thanh, nơi đặt sở chỉ huy, có trận địa pháo, kho hậu cần, sân bay, tập trung 2/3 lực lượng ; phân khu Nam đặt tại Hồng Cúm, có trận địa pháo, sân bay. Tổng cộng cả ba phân khu có 49 cứ điểm.

Trong khi quân ta mở chiến dịch tiến công Lai Châu (10 – 12 – 1953), Nava vội tăng cường lực lượng cho Điện Biên Phủ để "cứu nguy Lai Châu", "bảo vệ Thượng Lào". Đó là một hành động ngoài dự tính của kế hoạch Nava. Nhưng do vị trí chiến lược quan trọng của Điện Biên Phủ đối với Bắc Đông Dương. Nava tập trung xây dựng Điện Biên Phủ thành một "cái bẫy hiểm ác", một "cái mồi nghiền khổng lồ".

Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Mục tiêu của chiến dịch là tiêu diệt lực lượng địch ở đây, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

Ta đã huy động một lực lượng lớn chuẩn bị cho chiến dịch, gồm 4 đại đoàn bộ binh, 1 đại đoàn công pháo và nhiều tiểu đoàn công binh, thông tin, vận tải, quân y... với tổng số khoảng 55 000 quân, hàng chục nghìn tấn vũ khí, đạn dược ; 27 000 tấn gạo... ; 628 ô tô vận tải, 11 800 thuyền bè, 21 000 xe đạp, hàng nghìn xe ngựa, trâu, bò v.v... chuyển ra mặt trận.



Hình 64. Lược đồ diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 7, Sđd, tr. 226.

Đầu tháng 3 – 1954, công tác chuẩn bị mọi mặt đã hoàn tất. Ngày 13 – 3 – 1954, quân ta nổ súng mở màn cuộc tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Ngày 15 – 3 – 1954, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện khen ngợi, động viên cán bộ, chiến sĩ ngoài mặt trận. Bức điện có đoạn viết : "Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và chính trị quan trọng"(1).

Chiến dịch Điện Biên Phủ được chia làm ba đợt :

Đợt I, từ ngày 13 đến ngày 17 – 3 – 1954 : Quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 2 000 địch.

Đợt 2, từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4 – 1954 : Quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm như E1, D1, C1, A1... Ta chiếm phần lớn các cứ điểm của địch, tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt, khống chế địch. Sau đợt này, Mĩ khẩn cấp viện trợ cho Pháp và đe doạ ném bom nguyên tử ở Điện Biên Phủ ; ta kịp thời khắc phục khó khăn về tiếp tế, nâng cao quyết tâm giành thắng lợi.

Đợt 3, từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5 – 1954 : Quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam, lần lượt tiêu diệt các cứ điểm đề kháng còn lại của địch. Chiều 7 – 5, quân ta đánh vào sở chỉ huy địch. 17 giờ 30 ngày 7 – 5 – 1954, tướng Đờ Caxtori – Chỉ huy trưởng – cùng toàn bộ Ban Tham mưu của địch đầu hàng và bị bắt sống.



Hình 65. Biểu tượng chiến thắng Điện Biên Phủ

Các chiến trường toàn quốc đã phối hợp chặt chẽ nhằm phân tán, tiêu hao, kìm chân địch, tạo điều kiện cho Điện Biên Phủ giành thắng lợi.

Ở Bắc Bộ, bộ đội Hà Nội đột nhập sân bay Gia Lâm phá huỷ 18 máy bay. Các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân du kích làm tê liệt Đường số 5, tiêu diệt nhiều đồn bốt vùng sau lưng địch. Trong tháng 6 và đầu tháng 7 – 1954, địch buộc phải rút khỏi Việt Trì, Chợ Bến (Hoà Bình), Thái Bình, Phát Diệm, Bùi Chu, Ninh Bình, Nam Định, Phú Lí. Phần lớn đồng bằng Bắc Bộ được giải phóng.

Ở Trung Bộ, quân dân Liên khu V chặn đứng đợt tiến công trong chiến dịch Át Lăng lần thứ hai, diệt gần 5 000 tên địch. Bộ đội Tây Nguyên đánh mạnh trên các Đường số 14, 19 và tập kích lần thứ hai vào thị xã Plâyku, diệt nhiều địch.

Ở Nam Bộ, kết hợp với các cuộc tiến công của bộ đội, nhân dân nổi dậy vừa uy hiếp, vừa làm công tác binh vận, đốt bức rút hoặc diệt hàng nghìn đồn bốt, tháp canh của địch. Vùng giải phóng mở rộng, nối liền từ miền Đông sang miền Tây.

Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã toàn thắng. Quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 128 200 địch, thu 19 000 súng các loại, bắn rơi và phá huỷ 162 máy bay, 81 đại bác, giải phóng nhiều vùng rộng lớn trong cả nước.

Riêng tại mặt trận Điện Biên Phủ, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16 200 địch, trong đó có 1 thiếu tướng, hạ 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.



- Trình bày diễn biến cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của quân dân ta.
- Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã được chuẩn bị và giành thắng lợi như thế nào? Ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ.

III – HIỆP ĐỊNH GENEVE NĂM 1954 VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

1. Hội nghị Geneva

Bước vào đông – xuân 1953 – 1954, đồng thời với cuộc tiến công quân sự, ta đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngoại giao, mở ra khả năng giải quyết bằng con đường hoà bình cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

Ngày 26 – 11 – 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: 'Nếu thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì nhân dân Việt Nam tiếp tục cuộc chiến tranh ái quốc đến thắng lợi cuối cùng. Nhưng nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn di đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết các vấn đề Việt Nam theo lối hoà bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng tiếp ý muốn đó'.⁽¹⁾

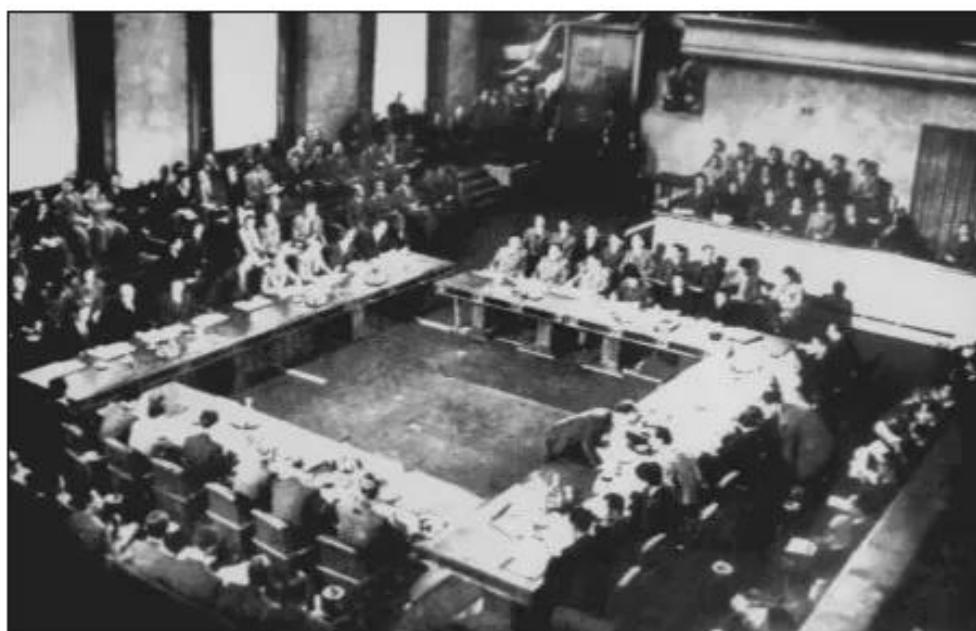
(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 7, Sđd, tr. 168.

Tháng 1 – 1954, Hội nghị Ngoại trưởng bốn nước Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp họp tại Béclin đã thoả thuận về việc triệu tập một hội nghị quốc tế ở Giơnevơ để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hoà bình ở Đông Dương.

Ngày 8 – 5 – 1954, một ngày sau khi chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc, Hội nghị Giơnevơ bắt đầu thảo luận về vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương. Phái đoàn Chính phủ ta, do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn, chính thức được mời họp.

Cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị diễn ra gay gắt và phức tạp, do lập trường thiếu thiện chí và ngoan cố của Pháp – Mĩ. Lập trường của Chính phủ ta là định chỉ chiến sự trên toàn cõi Đông Dương, giải quyết vấn đề quân sự và chính trị cùng lúc cho cả ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước ở Đông Dương.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của cuộc kháng chiến cũng như so sánh lực lượng giữa ta với Pháp và xu thế chung của thế giới là giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng, Việt Nam đã kí Hiệp định Giơnevơ ngày 21 – 7 – 1954.



Hình 66. Toàn cảnh Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương (1954)

Trải qua 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp hẹp, ngày 21 – 7 – 1954, các hiệp định định chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia được kí kết. Bản tuyên bố cuối cùng về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương đã được đại diện các nước dự Hội nghị kí chính thức. Đại diện Mĩ không kí mà ra tuyên bố riêng cam kết tôn trọng Hiệp định nhưng không chịu sự ràng buộc của Hiệp định.

2. Hiệp định Giơnevơ

Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương bao gồm các văn bản : Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia ; Bản tuyên bố cuối cùng của Hội nghị và các phụ bản khác...

Nội dung Hiệp định Giơnevơ quy định :

– Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia ; cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước.

– Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

– Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực...

+ Ở Việt Nam, quân đội nhân dân Việt Nam và quân đội viễn chinh Pháp tập kết ở hai miền Bắc – Nam, lấy vĩ tuyến 17 (dọc theo sông Bến Hải – Quảng Trị) làm giới tuyến quân sự tạm thời cùng với một khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến.

+ Ở Lào, lực lượng kháng chiến tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxali.

+ Ở Campuchia, lực lượng kháng chiến phục viên tại chỗ, không có vùng tập kết.

– Hiệp định cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương. Các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương. Các nước Đông Dương không được tham gia bất cứ khối liên minh quân sự nào và không để cho nước khác dùng lãnh thổ của mình vào việc gây chiến tranh hoặc phục vụ cho mục đích xâm lược.

– Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ được tổ chức vào tháng 7 – 1956, dưới sự kiểm soát và giám sát của một Ủy ban quốc tế (trong đó Ấn Độ làm Chủ tịch, cùng hai nước thành viên là Ba Lan và Canada).

– Trách nhiệm thi hành Hiệp định Giơnevơ thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục họ.

Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương và được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng. Hiệp định đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam, song chưa trọn vẹn vì mới giải phóng được miền Bắc. Cuộc đấu tranh cách mạng vẫn phải tiếp tục nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Với Hiệp định Giơnevơ, Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương, rút hết quân đội về nước; đế quốc Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hóa chiến tranh xâm lược Đông Dương.



Hãy nêu những nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.

IV – NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

1. Nguyên nhân thắng lợi

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo. Toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, dũng cảm trong chiến đấu, cần cù trong lao động sản xuất.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp thắng lợi là nhờ có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng, lực lượng vũ trang sớm được xây dựng và không ngừng lớn mạnh, hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta, cùng với cuộc kháng chiến của nhân dân hai nước Lào và Campuchia, được tiến hành trong liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước chống kẻ thù chung, có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

2. Ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, đồng thời chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ trên đất nước ta; miền Bắc nước ta được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để nhân dân ta giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến đã giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.

Tuy vậy, miền Nam nước ta chưa được giải phóng, nhân dân ta còn phải tiếp tục cuộc đấu tranh gian khổ chống đế quốc Mĩ nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.



Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy chứng minh : Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi quân sự lớn nhất của ta trong kháng chiến chống Pháp và là thắng lợi quyết định buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ năm 1954, chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương.
2. Lập bảng thống kê các sự kiện lịch sử lớn của cuộc kháng chiến chống Pháp từ chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 đến khi kết thúc cuộc kháng chiến (tháng 7 – 1954).

PHẦN ĐỌC THÊM

1. Ý NGHĨA CỦA CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

Cách mạng ta là cách mạng dân tộc giải phóng, phải chống đế quốc xâm lược và chống phong kiến là chỗ dựa của đế quốc. Khẩu hiệu của ta là "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng". Kháng chiến đòi hỏi sức người, sức của ngày một nhiều ; nông dân đã cung cấp sức người, sức của nhiều nhất cho kháng chiến. Phải giải phóng nông dân khỏi ách phong kiến, phải bồi dưỡng cho nông dân, thì mới động viên đầy đủ lực lượng to lớn đó, dốc vào kháng chiến để tranh thắng lợi.

Then chốt thắng lợi của kháng chiến là củng cố và mở rộng *Mặt trận dân tộc thống nhất*, củng cố và phát triển quân đội, củng cố Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố công nông liên minh. Chỉ có phát động quần chúng cải cách ruộng đất, ta mới tiến hành những công việc đó một cách thuận lợi.

... Chỉ có thực hiện cải cách ruộng đất, người cày có ruộng, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn khỏi ách trói buộc của giai cấp địa chủ phong kiến, mới có thể chấm dứt tình trạng bần cùng và lạc hậu của nông dân, mới có thể phát động mạnh mẽ lực lượng to lớn của nông dân để phát triển sản xuất và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

(Hồ Chí Minh, *Về tình hình trước mắt và nhiệm vụ cải cách ruộng đất – Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp*, Tập I, NXB Sự thật, H., 1985, tr. 306 – 308)

2. TINH THẦN QUYẾT CHIẾN, QUYẾT THẮNG CỦA QUÂN VÀ DÂN TA

Tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ và nói chung trong các chiến dịch Đông – Xuân là sức mạnh vô cùng vô tận của quần chúng nhân dân, nhất là quần chúng nhân dân lao khổ, khi đã thấm nhuần đường lối chính trị đúng đắn của Đảng, khi đã vùng lên chiến đấu vì những nguyện vọng cơ bản và tha thiết của mình, *vì độc lập cho Tổ quốc, vì ruộng đất cho dân cày, để mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.*

Tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta kế tục và phát triển truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc ta, là tinh thần quật cường và tài mưu lược của một dân tộc không đồng lăm, đất không rộng lăm, đã có mấy ngàn năm lịch sử đoàn kết chống ngoại xâm, đã từng đánh thắng những đội quân xâm lược đông hơn gấp nhiều lần. Đó là tinh thần yêu nước của một dân tộc đã từng lập nên những chiến công lừng lẫy : Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa...

Đó là chí khí anh hùng của một quân đội cách mạng non trẻ, đem sức mạnh chính nghĩa, của khối đoàn kết toàn dân mà chống lại quân đội hùng mạnh của một nước đế quốc xâm lược. Tinh thần đó cũng tức là tinh thần triết để cách mạng của giai cấp vô sản mà Đảng ta đã dày công giáo dục cho quân đội, là quyết tâm cao độ đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai, là tinh thần chiến đấu anh dũng tuyệt vời, khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi gian khổ, là chủ nghĩa anh hùng cách mạng đặt lợi ích của nhân dân, của dân tộc, của cách mạng lên trên hết, sẵn sàng hi sinh tất cả vì lợi ích của cách mạng.

Tinh thần đó đã được hun đúc rèn luyện trải qua quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân ta.

...Tinh thần đoàn kết chiến đấu, tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng rõ ràng là nhân tố quyết định thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ cũng như của các chiến dịch Đông – Xuân. Điều đó chứng minh rằng truyền thống yêu nước lâu đời của dân tộc, khi đã được phát huy mạnh mẽ và tư tưởng cách mạng, đường lối cách mạng, khi đã đi sâu vào quần chúng nhân dân thì trở nên một sức mạnh vật chất vĩ đại, vô địch. Điều đó càng chứng minh rằng hậu phương vững chắc là một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi trong cuộc chiến tranh cách mạng.

(Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ*,
Sđd, tr. 140 – 144)

